

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **08** /2020/HS-ST.

Ngày: 12/02/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Minh Trí

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên Tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Võ Ngọc N, sinh năm 1984 tại Cà Mau; Nơi đăng ký HKTT: ấp C, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Ngọc T và bà Trịnh Thị G; có vợ là Lâm Thị Mỹ H; Có 02 con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 12/4/2019 được hủy bỏ tạm giữ, thay thế bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ấp B, xã P, tỉnh Đồng Nai.

2. Huỳnh Văn S, sinh năm 1988 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn C và bà Lê Kim T; có vợ là Nguyễn Thị Hoàng A; bị cáo chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 12/4/2019 được hủy bỏ tạm giữ, thay thế bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3. Nông Văn T, sinh năm 1982 tại Bắc Giang; Nơi cư trú: buôn Đăk Rơ Leang 2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Phụ xe tải; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông

Văn S và bà Nông Thị B; có vợ là Nguyễn Thị T; có 01 con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 12/4/2019 được hủy bỏ tạm giữ, thay thế bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ấp T, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Võ Liêm K, sinh năm 1984 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: tổ 5, ấp A, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: phường Đ, thị xã T, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Đặng Mỹ H; có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 12/4/2019 được hủy bỏ tạm giữ, thay thế bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tổ 5, ấp An Hòa, xã Trung An, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị hại: Công ty TNHH Hwaseung Vina

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Tấn L, sinh năm 1960.

Địa chỉ: khu công nghiệp N, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng tháng 02/2019, Võ Liêm K - tài xế chở hàng của công ty TeaSung, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cùng với Nông Văn T - lơ xe của công ty TeaSung và Võ Ngọc N - công nhân bộ phận kho hạt liệu của công ty Hwaseung Vina thuộc khu công nghiệp 1, huyện N, tỉnh Đồng Nai bàn bạc cùng nhau trộm cắp hạt nhựa của công ty Hwaseung Vina bán lấy tiền tiêu xài, N và T đồng ý. Đến 15 giờ ngày 05/4/2019, Nguyên gọi điện thoại cho K nói có hạt nhựa EVA và bảo K lái xe vào công ty chở mang ra ngoài bán, Khoa đồng ý. Sau đó, N đến gặp Huỳnh Văn S là công nhân xưởng 4 công ty Hwaseung Vina và rủ S cùng nhau trộm cắp hạt nhựa, S đồng ý. Đến khoảng 17 giờ 20 phút cùng ngày, K điều khiển xe ô tô tải biển số 50LD-012.73 cùng với lơ xe là Nông Văn T đến công ty Hwaseung Vina để giao hàng. N gọi điện thoại cho S nói chở xe ô tô tải của K đang đậu. Lúc này, T mở cửa thùng xe ô tô và S điều khiển xe nâng lấy trộm 01 cây hạt nhựa EVA gồm 02 pallet, tổng cộng 70 bao, trọng lượng 1.750 kg từ xưởng đưa lên thùng xe ô tô tải rồi K điều khiển xe ra khỏi công ty. Sau đó, K cùng với T chở số hạt nhựa trộm cắp được bán cho đối tượng tên Việt (chưa rõ nhân thân) tại khu vực vòng xoay An Phú thuộc tỉnh Bình Dương với số tiền 23.000.000 đồng, K chia cho T 2.000.000 đồng. Đến 16 giờ 30 phút ngày 06/4/2019, Võ Ngọc N, Huỳnh Văn S và Nông Văn T đến Đồng Công an KCN Nhơn Trạch đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội còn Khoa bỏ trốn. Đến ngày 30/10/2019, Võ Liêm K đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 53/BB.HĐĐG ngày 11/4/2019 của Hội đồng định giá huyện N định giá 70 bao hạt nhựa, loại hạt Eva 180F/Z, tổng trọng lượng là 1.750kg, có giá trị là 53.881.625 đồng.

* Tang vật thu giữ gồm:

- + 70 bao hạt nhựa, trọng lượng 1.750 kg (không thu hồi được);
 - + 01 xe ô tô tải 50LD-012.73
 - + 01 điện thoại di động Samsung J7+, màu đen bên trong có gắn sim số 0968.899.160 của bị cáo Huỳnh Văn S;
 - + 01 điện thoại di động Samsung J7 Prime, màu vàng đồng bên trong có gắn sim số 0385.981.464 của bị cáo Võ Ngọc N;
 - + 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu trắng của bị cáo Nông Văn T;
- Trong quá trình điều tra các bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cụ thể:

- + Bị cáo Nông Văn T nộp số tiền 5.470.000 đồng.
- + Bị cáo Võ Ngọc N nộp 15.000.000 đồng.
- + Bị cáo Huỳnh Văn S nộp 15.000.000 đồng.
- + Bị cáo Võ Liêm K nộp số tiền 21.000.000 đồng.

* Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS-NT ngày 15/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Võ Ngọc N, Võ Liêm K, Huỳnh Văn S, Nông Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 173, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Võ Ngọc N từ 28 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 173, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Võ Liêm K từ 26 đến 28 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 173, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Huỳnh Văn S từ 24 đến 26 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 173, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 24 đến 26 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Đồng thời đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên Tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên, các bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật

Tổ tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Vào ngày 06/4/2019, Võ Liêm K, Võ Ngọc N, Nông Văn T, Huỳnh Văn S đã thực hiện hành vi trộm cắp 70 bao hạt nhựa, trọng lượng 1.750 kg, trị giá 53.881.625 đồng của công ty Hwaseung Vina thuộc khu công nghiệp 1, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Ngày 06/4/2019, Võ Ngọc N, Huỳnh Văn S và Nông Văn T đến Cơ quan công an đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đến ngày 30/10/2019, Võ Liêm K đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đầu thú.

Các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đã thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội. Từ đó có đủ căn cứ và cơ sở để xác định hành vi của bị cáo Võ Ngọc N, Võ Liêm K, Huỳnh Văn S, Nông Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cáo trạng số 06/CT-VKT.NT ngày 15/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ.

[3]. Về nhân thân, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt.

Tính chất, mức độ của hành vi: Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư tại các khu công nghiệp. Bản thân các bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham nên vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Xét vai trò của từng bị cáo: Bị cáo N người khởi xướng, rủ rê đồng thời trực tiếp trộm cắp tài sản và đem đi tiêu thụ, các bị cáo K, S, T giữ vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo N. Do vậy cần căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội để áp dụng hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đồng thời đã tự nguyện khắc phục hậu quả nên cần áp dụng các tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 cho các bị cáo khi quyết định hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự.

Đối với xe ô tô tải biển số 50LD-012.73, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho công ty Tae Sung là đúng quy định pháp luật.

Đối tượng tên Việt là người mua hạt nhựa của Võ Liêm K, đến nay chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau.

[4]. Về xử lý vật chứng:

+ 70 bao hạt nhựa, trọng lượng 1.750 kg không thu hồi được nên không xét.;

+ 01 xe ô tô tải 50LD-012.73 đã trả lại chủ sở hữu công ty Tae Sung là phù hợp pháp luật;

+ 01 điện thoại di động Samsung J7+ màu đen của bị cáo Sơn là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ 01 điện thoại di động Samsung J7 Prime của bị cáo Nguyên là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ 01 sim Viettel số 0968.899.160 của bị cáo Sơn và 01 sim Viettel 0385.981.464 của bị cáo Nguyên là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu trắng của bị cáo Nông Văn T do không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.470.000 đồng của bị cáo Trường, 15.000.000 đồng của bị cáo Võ Ngọc N, 15.000.000 đồng của bị cáo Huỳnh Văn S, 21.000.000 đồng của bị cáo Võ Liêm K để đảm bảo thi hành án.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa đại diện Công ty TNHH Hwaseung Vina thống nhất với kết luận định giá tài sản số 53/KLĐG-HĐĐG ngày 11/04/2019 và yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền 53.881.625 đồng.

Xét thấy yêu cầu bồi thường của Công ty TNHH Hwaseung Vina là hoàn toàn phù hợp. Tại phiên tòa các bị cáo tự nguyện bồi thường cho Công ty TNHH Hwaseung Vina tổng số tiền 56.470.000 đồng (cụ thể: N, S mỗi bị cáo tự nguyện chịu 15.000.000 đồng, T tự nguyện chịu 2.881.625 đồng, K tự nguyện chịu 21.000.000 đồng – các bị cáo đã nộp xong) đại diện phía Công ty cũng đồng ý nên ghi nhận và cần buộc các bị cáo phải bồi thường cho Công ty TNHH Hwaseung Vina là phù hợp với quy định của pháp luật.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt và điều luật áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326, Điều 327 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015

Tuyên bố các bị cáo Võ Ngọc N, Võ Liêm K, Huỳnh Văn S, Nông Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Võ Ngọc N** 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 4 (bốn) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo N cho UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Võ Liêm K** 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 4 (bốn) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo K cho UBND xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Văn S** 02 (hai) năm 02 (bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 4 (bốn) năm 04 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo S cho UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục

Xử phạt bị cáo **Nông Văn T** 02 (hai) năm 02 (bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 4 (bốn) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho UBND xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 587 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Võ Ngọc N phải bồi thường cho Công ty TNHH Hwaseung Vina số tiền 15.000.000 đồng (đã nộp xong).

Buộc bị cáo Huỳnh Văn S phải bồi thường cho Công ty TNHH Hwaseung Vina số tiền 15.000.000 đồng (đã nộp xong).

Buộc bị cáo Võ Liêm K phải bồi thường cho Công ty TNHH Hwaseung Vina số tiền 21.000.000 đồng (đã nộp xong).

Buộc bị cáo Nông Văn T phải bồi thường cho Công ty TNHH Hwaseung Vina số tiền 2.881.625 đồng (đã nộp xong).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 56.470.000 đồng mà Nguyễn Ngọc Nguyên, Huỳnh Văn S, Nông Văn T, Võ Liêm K đã giao nộp để đảm bảo thi hành án (hiện số tiền này Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai đang tạm giữ theo biên lai thu số 000747 cùng ngày 17/01/2020).

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu huỷ 01 sim Viettel số 0968.899.160 và 01 sim Viettel 0385.981.464 là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Samsung J7+ màu đen, 01 điện thoại di động Samsung J7 Prime phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Trả lại cho bị cáo Nông Văn T 01 điện thoại di động hiệu OPPO do không liên quan đến vụ án.

Trả lại cho bị cáo Nông Văn T số tiền 2.588.375đ trong tổng số tiền 5.470.000đ mà bị cáo đã nộp sau khi trừ đi số tiền đã bồi thường 2.881.625đ.

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện N đang tạm giữ theo biên bản giao nhận ngày 17/01/2020).

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, Công ty TNHH Hwaseung Vina được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại.
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Thi hành án;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Xuân